

TÁC ĐỘNG CỦA KIỀU HỒI ĐẾN TỔNG ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Hà*, Trần Minh Cường**

Ngày nhận: 2/01/2016

Ngày nhận bản sửa: 20/01/2016

Ngày duyệt đăng: 25/01/2016

Tóm tắt:

Để tăng trưởng kinh tế cao thì vốn đầu tư là yếu tố vật chất có tính quyết định. Trong các nguồn lực thì kiều hối là kênh ngoại tệ mạnh cho đất nước, là một trong hai nguồn vốn (cùng với dòng vốn FDI) chiếm tỷ trọng lớn nhất trong số các nguồn vốn từ bên ngoài vào Việt Nam và có xu hướng tăng lên qua các năm, có vai trò quan trọng đối với tiết kiệm, đầu tư, tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo... Thời gian qua, nguồn kiều hối về Việt Nam mỗi năm hàng chục tỷ USD, song chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, chứng khoán hoặc gửi tiết kiệm, tiêu dùng; phần đầu tư cho sản xuất kinh doanh chưa nhiều. Vì thế muốn hướng nguồn kiều hối đầu tư vào những lĩnh vực sản xuất tạo lợi nhuận bền vững hay những hoạt động khác mang lại lợi ích cho nền kinh tế, chính phủ cần có những chính sách đầu tư dành riêng cho kiều bào.

Từ khoá: kiều hối, tác động, đầu tư

The impact of remittances on total investment in Vietnam

Abstract

Investment capital is the determinant of economic growth. Remittances are not only the fundamental foreign currency channel, but also rank among the most important foreign capital sources for Vietnam (along with FDI). Remittances capital tends to increase over the years, and has enormous impact on saving, investment, growth and poverty reduction. In recent years, the remittances pouring into Vietnam have been increasing rapidly, but mostly flowed into real estate, stock or saving, and consumption. Only a small proportion of the remittances have been for business and manufacturing. To attract this capital flow to invest in effective economic activities, the government should develop policies specifically applied for overseas Vietnamese.

Keywords: remittances, impact, investment

1. Giới thiệu

Kiều hối được hình thành từ thu nhập cá nhân của người lao động xuất khẩu và kiều bào định cư ở nước ngoài, gửi về nước cho thân nhân thụ hưởng. Người nhận kiều hối là tư nhân nên họ có toàn quyền sử dụng kiều hối cho các mục đích khác nhau: cho đầu tư hoặc tiêu dùng. Trên phạm vi quốc gia, kiều hối đóng góp vào sự gia tăng tiết kiệm của quốc gia, được tính bằng giá trị tiền để lại không sử dụng cho mục đích tiêu dùng của những chủ thể nhận kiều hối. Phần tiết kiệm từ kiều hối có thể được sử dụng cho các hoạt động đầu tư trực tiếp sản

xuất kinh doanh, hoặc đầu tư gián tiếp qua tiền gửi bằng ngoại tệ hoặc bản tệ vào các ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác... Đồng thời, kiều hối được đánh giá là nguồn ngoại tệ rẻ nhất trong các nguồn vốn từ nước ngoài và không gây ảnh hưởng, phụ thuộc vào nước ngoài như các nguồn vốn FDI, ODA, vay nợ. Chính vì những lý do trên nên tại nhiều quốc gia, kiều hối trở thành một nguồn ngoại tệ quan trọng, đặc biệt với các nước có thâm hụt tài khoá, nợ nước ngoài, thường xuyên mất cân bằng cán cân thương mại và hoạt động đầu tư nước ngoài có hạn chế.

Thời gian gần đây nền kinh tế Việt Nam mỗi năm nhận xấp xỉ hàng chục tỷ đô la từ nguồn kiều hối, tuy nhiên bao nhiêu trong số đó được dành cho đầu tư thì chưa có nhiều đề tài nghiên cứu. Bài viết này nghiên cứu việc sử dụng kiều hối của người dân Việt Nam thời gian qua, đặc biệt tìm hiểu phần kiều hối dành cho đầu tư và tác động của kiều hối tới tổng đầu tư tại Việt Nam, từ đó tìm ra giải pháp để thu hút nhiều hơn nguồn vốn này cho đầu tư phát triển.

2. Tình hình thu hút kiều hối về Việt Nam

Trong những năm vừa qua, cùng với xu thế mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đón nhận rất nhiều luồng tài chính từ bên ngoài chảy vào. Trong số các nguồn vốn đó thì kiều hối có một vị trí quan trọng bởi khối lượng, quy mô chu chuyển lớn và mức độ tăng trưởng mạnh liên tục qua các năm, đóng góp rất lớn vào quá trình thu hút vốn để phục vụ phát triển kinh tế đất nước. Đặc biệt từ năm 2000 trở lại đây kiều hối thu hút về tăng ổn định hơn hẳn nguồn vốn ODA và FDI, năm 2000 là 1,75 tỷ USD lớn hơn so với nguồn ODA (1,6 tỷ USD). Từ năm 2002 đến năm 2006, kiều hối vượt không chỉ nguồn vốn ODA mà cả nguồn FDI; năm 2012 và năm 2013 kiều hối gấp đôi vốn ODA và xấp xỉ vốn FDI. Không những thế, trong bối cảnh các luồng vốn FDI, ODA suy giảm dòng kiều hối vẫn tăng ổn định. Nếu tính cả giai đoạn 1993- 2014, tổng lượng kiều hối đã đạt 77,41 tỷ USD; tương ứng vốn FDI thực hiện giai đoạn này đạt 112,26 tỷ USD và vốn ODA giải ngân đạt 35,85 tỷ USD (Đỗ Thị Thủy, 2015). Con số 77 tỷ USD này gần bằng tổng sản lượng

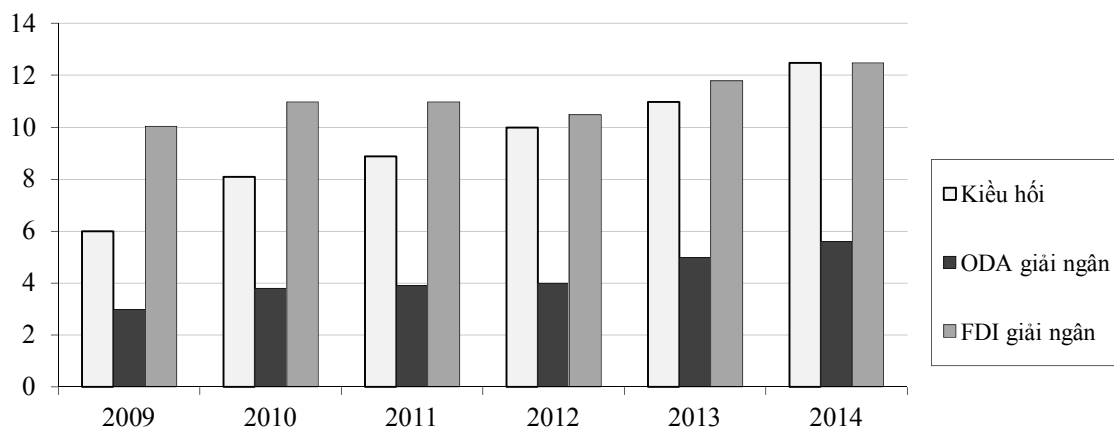
GDP trong nước năm 2005, cho thấy kiều hối là nguồn ngoại tệ quan trọng của Việt Nam.

Nguồn kiều hối nước ta được hình thành chủ yếu từ 2 nguồn: thu nhập của kiều bào và lao động xuất khẩu, các chuyên gia Việt Nam, lưu học sinh đang làm việc và học tập ở nước ngoài.

Kiều bào bao gồm người Việt Nam đi di cư từ giai đoạn 1975 - 1980 và các du học sinh học tập, lao động xuất khẩu sau đó định cư ở nước ngoài từ 1980 trở lại đây, các trường hợp định cư theo gia đình, hôn nhân, con nuôi giai đoạn 1990 đến nay. Hiện nay, có hơn 5 triệu kiều bào đang sinh sống làm việc tại 103 nước và vùng lãnh thổ, tập trung chủ yếu ở 21 quốc gia thuộc các khu vực: Bắc Mỹ, Tây Âu, Nga và Đông Âu, Đông Nam Á, Đông Bắc Á và châu Úc. Một số khu vực khác như Nam và Tây Á, Trung Đông, Châu Phi và Nam Mỹ tuy cũng có người Việt làm ăn, sinh sống song số lượng ít; khoảng 80% Việt kiều đang làm ăn, sinh sống tại các nước phát triển, trong đó tập trung đông nhất là ở Mỹ: 1,5 triệu người, Pháp: 300.000 người, Canada: 250.000 người, Australia: 245.000 người (Nguyễn Quốc Hùng, 2014). Tại các nước Đông Âu và một số nước Châu Á như Lào, Campuchia, Thái Lan, mỗi nước có khoảng trên dưới 100.000 người Việt làm ăn, sinh sống. Nhìn chung, cộng đồng kiều bào ở nước ngoài có cuộc sống tương đối ổn định, một số có tiềm lực kinh tế nhất định. Tuy nhiên, dù được coi là hoà nhập và thành công song tiềm lực kinh tế của cộng đồng người Việt còn hạn chế, thu nhập nhìn chung còn thấp so với mức bình quân của người dân nước sở tại. Nhiều kiều bào vẫn phải

Hình 1: Các nguồn ngoại tệ vào Việt Nam giai đoạn 2009-2014

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: Đỗ Thị Thủy (2015), Cục Đầu tư Nước ngoài - Bộ Kế hoạch Đầu tư (2014)

Bảng 1: Tình hình sử dụng kiều hối từ năm 2001 - 2014

Đơn vị: %

| STT | Năm | 2001-2005 | 2006-2010 | 2011-2014 |
|-----|--|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Tiêu dùng, trả nợ, sửa nhà cửa | 65 | 35 | 30 |
| 2 | Mua nhà, đầu tư bất động sản/chứng khoán | 15 | 45 | 25 |
| 3 | Tiết kiệm và đầu tư sản xuất kinh doanh | 13 | 15 | 30 |
| 4 | Sử dụng khác | 7 | 5 | 15 |
| 5 | Tổng | 100 | 100 | 100 |

Nguồn: Nguyễn Quốc Hùng (2014)

sống nhờ vào trợ cấp xã hội.

Hoạt động xuất khẩu lao động của nước ta đã bắt đầu từ những năm 1980 theo các hiệp định hợp tác quốc tế về lao động. Trong 35 năm qua, số lao động xuất khẩu ngày càng tăng; giai đoạn 1991-2001 bình quân mỗi năm đưa đi 37.406 người; giai đoạn 2001-2008 bình quân 68.275 người/năm; giai đoạn 2008-2014 bình quân 83.000 người/năm (Nguyễn Quốc Hùng, 2014). Lao động xuất khẩu và chuyên gia Việt Nam hiện đang làm việc tại 40 quốc gia và vùng lãnh thổ như Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc, LB Nga, Nhật Bản, Trung Đông, Đông Âu, Lào; các nước Tây Âu, Bắc Âu, Bắc Phi, Singapore, Brunei, Macao, Mỹ, Canada, Australia... trong đó nhiều nhất là làm việc tại Hàn Quốc và Đài Loan. Lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài trong hơn 30 ngành nghề khác nhau trong đó chủ yếu là xây dựng, cơ khí, lắp ráp điện tử, may mặc, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, khám hộ công (giúp việc), thuyền viên... Theo thông tin từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, số lao động Việt Nam ở nước ngoài hiện nay là 500.000 người và gửi về nước mỗi năm khoảng 1,6 tỷ USD (Nguyễn Thị Ngọc Loan, 2015).

3. Tình hình sử dụng kiều hối cho đầu tư tại Việt Nam

Kiều hối chuyển về cho thân nhân, gia đình trong nước và được sử dụng đa dạng, có thay đổi theo diễn biến kinh tế vĩ mô của nền kinh tế và thu nhập của cá nhân, hộ gia đình có nguồn thu kiều hối.

Giai đoạn 2001 - 2005 kiều hối được sử dụng chủ yếu cho trả nợ, sửa chữa nhà cửa và phục vụ tiêu dùng cải thiện đời sống của các hộ gia đình. Giai đoạn 2006 - 2010 với sự tăng trưởng cao của nền kinh tế, Việt Nam đã hấp dẫn nhiều nhà đầu tư cũng như lao động xuất khẩu, kiều bào ở nước ngoài chuyển tiền vào để đầu tư. Một trong những kênh đầu tư thu hút nhất là thị trường chứng khoán, bất động sản cho du lịch, văn phòng cho thuê, khách

sạn. Giai đoạn 2011 - 2014, xu thế đầu tư bất động sản và chứng khoán giảm xuống và tỷ trọng sử dụng vào đầu tư trực tiếp sản xuất kinh doanh và tiết kiệm tăng lên. Như vậy, giai đoạn vừa qua, xu hướng sử dụng kiều hối có dấu hiệu chuyển biến tích cực hơn, tỷ trọng kiều hối để đầu tư sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng, mặc dù còn thấp.

Để khuyến khích đầu tư từ nguồn kiều hối, Chính phủ và các bộ ngành đã ban hành nhiều văn bản như:

- Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài (1994), thông tư số 453/TTUB hướng dẫn việc xác nhận để người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư về nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị định 29/CP ngày 27/5/1993 của Chính phủ, ban hành ngày 14/9/1994;

- Bộ Ngoại giao (2003), Quyết định số 491/2003/QĐ-NG về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, ban hành ngày 27/3/2003;

- Chính phủ (2004), Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 110/2004/QĐ-TTg về Chương trình hành động của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, ban hành ngày 26 tháng 3 năm 2004;

- Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an (2005), thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT/BKH-BTP-BCA hướng dẫn người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế trong nước, ban hành ngày 25/5/2005. Theo đó nhà đầu tư có thể đầu tư qua hình thức mua cổ phần, góp vốn thành lập doanh nghiệp, có thể tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

- Chính phủ (2007), Quyết định số 135/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, ban hành ngày 17/8/2007;

- Bộ Tài chính (2007), Quyết định 77/2007/QĐ-BTC về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý hồ sơ cấp Giấy miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, ban hành ngày 31/8/2007;

- Bộ Công an (2007), Thông tư 06/2007/TT-BCA-C11 hướng dẫn thực hiện một số điều luật của Luật Cư trú, ban hành ngày 01/7/2007 và Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cư trú, theo đó người Việt Nam định cư ở nước ngoài sử dụng hộ chiếu Việt Nam trở về nước sinh sống được đăng ký thường trú ngay tại Công an quận, huyện, thị xã và được cấp sổ hộ khẩu như đối với công dân Việt Nam thường trú trong nước, không phải làm thủ tục hồi hương;

- Chính phủ (2008), Chỉ thị số 19/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về: Tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về Công tác người Việt Nam ở nước ngoài, ban hành ngày 06/06/2008;

- Chính phủ (2009), Thông tư liên tịch Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam, ban hành ngày 22/ 9/2009.

Trong số các văn bản đã ban hành thì nghị quyết của Bộ Chính trị (2004) đã tạo thay đổi lớn trong công tác đối với kiều bào. Từ đó đến nay, Chính phủ đã xây dựng một hệ thống khung luật pháp đáp ứng tốt hơn những lợi ích của kiều bào, tạo điều kiện để kiều bào yên tâm trở về thăm quê hương và trực tiếp tham gia đầu tư trong nước. Số lượng kiều bào về thăm gia đình, quê hương ngày một tăng, nếu như năm 1992 có 97.000 lượt người thì các năm 2000-2006, trung bình mỗi năm có khoảng 350.000 lượt kiều bào về thăm thân nhân và tìm hiểu cơ hội đầu tư kinh doanh, giai đoạn 2006 - nay bình quân đạt trên 500.000 lượt người/năm.

Việt kiều về nước không chỉ thăm quê hương, gia đình mà còn tìm hiểu và thực hiện rất nhiều dự án đầu tư. Theo số liệu thống kê của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, hiện nay cả nước có khoảng 3200 công ty được thành lập hoặc góp vốn từ kiều bào và lao động xuất khẩu, với tổng số vốn đăng ký khoảng 5,4 tỷ USD trong đó khoảng 60% số dự án đang hoạt động có hiệu quả. Các dự án chủ yếu đầu tư vào bất động sản và đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực như nhà

hàng, khách sạn, du lịch, chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu. Một số dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghệ có hàm lượng chất xám cao như lĩnh vực thiết bị kỹ thuật, thiết bị xây dựng, viễn thông thông tin... Các dự án tiêu biểu như sau:

- Nhà máy Đông Tài của doanh nhân kiều bào Phạm Nam;

- Xưởng làm chần gói đồ trang trí nội thất Hoài Bắc ở Hải Dương;

- Công ty giày da Thiên Vinh ở Hải Phòng;

- Công ty Liên Thái Bình Dương (IPP) của Việt kiều Jonathan Hạnh Nguyễn;

- Tập đoàn Masan của Nguyễn Đăng Quang;

- Tập đoàn Vingroup của Doanh nhân Việt Nam Nguyễn Nhật Vượng;

- Công ty buôn bán hóa chất phục vụ công nghệ cao của Việt kiều Canada Nguyễn Thành Mỹ;

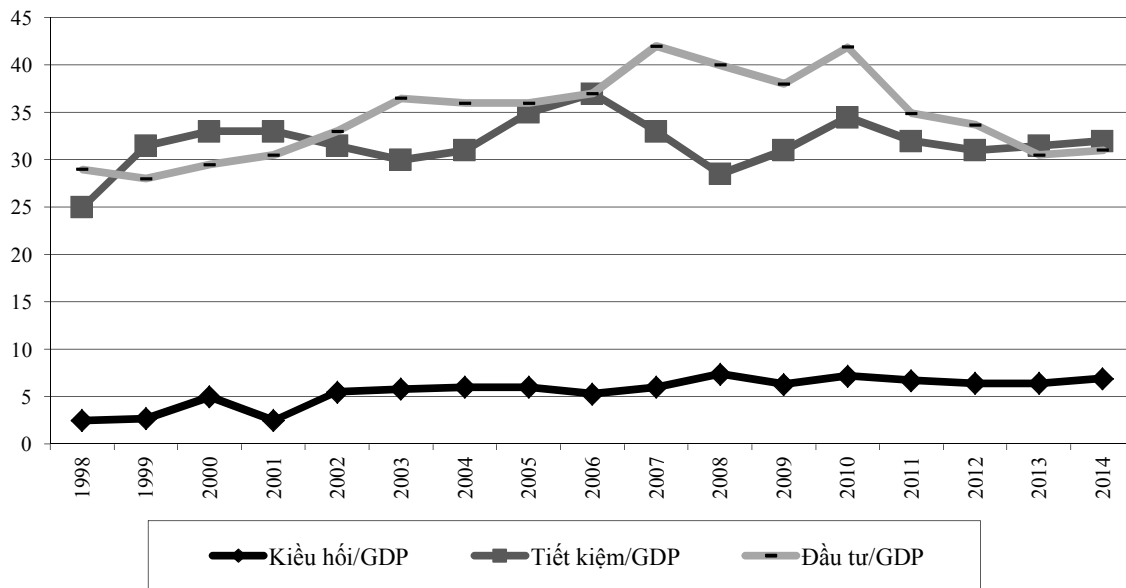
- Công ty Perfect chuyên cung cấp các sản phẩm dụng cụ thể thao của Việt kiều Canada Thu Thủy.

Một số địa phương như thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... đã thu hút được rất nhiều dự án đầu tư từ nguồn kiều hối. Ví dụ như tại Hải Phòng: Tổng vốn thu hút đầu tư nước ngoài tại Hải Phòng hiện nay trên 3 tỷ USD, trong đó vốn đầu tư trực tiếp của kiều bào khoảng 70 triệu USD với hơn 20 dự án lớn. Có những dự án hiệu quả kinh tế cao như liên doanh thép Việt - Úc 30 triệu USD, dự án tổ hợp Vila trị giá 20 triệu USD của kiều bào Đức. Nhiều dự án tạo hàng nghìn việc làm như dự án sản xuất giày dép Thiên Vinh của kiều bào ở Nhật, dự án may xuất khẩu thu hút 4.000 công nhân của kiều bào ở Anh... Trong dịp lễ kỷ niệm 50 năm Bác Hồ về Hải Phòng đón kiều bào, hai dự án đầu tư lớn tại Hải Phòng đã được trao giấy chứng nhận. Đó là dự án làng Việt kiều Hải Phòng được xây dựng trên diện tích 12 ha, do Hội Việt kiều tại Anh thực hiện và dự án bệnh viện quốc tế với 300 giường bệnh.

Kiều bào tại một số quốc gia đã thành lập “Hiệp hội kiều bào” và nhờ đó, số dự án đầu tư của kiều bào về Việt Nam đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Ví dụ tại Nga, sau khi “Hiệp hội các doanh nghiệp Việt Nam tại Liên bang Nga” được thành lập, nhiều doanh nghiệp Việt Nam tại Nga đã về nước đầu tư. Họ là cổ đông chính trong một số ngân hàng lớn tại Việt Nam như Techcombank, VIBbank... hay các trung tâm thương mại như Melinh Plaza, khách sạn Furama, Kim Túc, cửa nhựa Châu Âu - Eurowindow...

Hình 2: Tăng trưởng kiều hối/GDP, tiết kiệm/GDP và đầu tư/GDP của Việt Nam giai đoạn 1998 - 2014

Đơn vị: %



Nguồn: Nguyễn Thị Ngọc Loan (2015)

Những dự án đầu tư của cộng đồng kiều bào tại Việt Nam đã góp phần bổ sung nguồn vốn, tạo thế và lực phát triển mới cho nền kinh tế khi đã gia nhập WTO. Tháng 8/2009, các kiều bào thành lập Hiệp hội Doanh nhân Việt kiều nhằm tập hợp, liên kết sức mạnh của các doanh nghiệp Việt trên toàn thế giới giúp nhau cùng phát triển và đóng góp thiết thực cho quê hương.

Như vậy nguồn kiều hối đã đóng vai trò quan trọng bổ sung nguồn vốn đầu tư cho nền kinh tế. Ta có thể thấy được những ảnh hưởng tích cực của kiều hối đối với tăng trưởng kinh tế thông qua tỷ lệ tiết kiệm, đầu tư so với GDP tại Việt Nam thời gian qua. Diễn biến của kiều hối, tiết kiệm và đầu tư trên hình 2 cho thấy tỷ lệ kiều hối/GDP của Việt Nam trong hơn mười năm qua liên tục biến động cùng chiều với tỷ lệ tiết kiệm/GDP và đầu tư/GDP và có xu hướng tăng trưởng ổn định. Ví dụ năm 2010, tỷ lệ kiều hối/GDP, tiết kiệm/GDP và đầu tư/GDP đều tăng ở mức gần như cao nhất.

Nguồn kiều hối có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây, bổ sung vốn đầu tư cho tăng trưởng kinh tế, có thể giải thích bởi 5 nguyên nhân chính sau:

- Số lượng Việt kiều, số lượng người Việt Nam định cư và sinh sống, làm ăn ở nước ngoài ngày càng tăng (do đi học, do kết hôn với nước ngoài, do

lao động xuất khẩu);

- Việt kiều và những người Việt Nam sinh sống, làm ăn ở nước ngoài có thu nhập ngày càng khá hơn, nên lượng kiều hối gửi về giúp đỡ thân nhân và chuyển về đầu tư làm ăn, mua nhà đất ngày càng tăng;

- Chính sách thu hút kiều hối của Việt Nam ngày càng mở rộng, tạo thuận lợi hơn cho người Việt Nam ở nước ngoài về nước đầu tư. Pháp lệnh ngoại hối sửa đổi theo hướng quản lý ngoại hối chặt chẽ, chính sách vĩ mô của Việt Nam ngày càng tốt hơn;

- Thị trường dịch vụ kiều hối đang dần phát triển với chất lượng nâng cao và chi phí giảm xuống, thời gian rút ngắn, thủ tục đơn giản;

- Môi trường đầu tư trong nước thông thoáng hơn, hấp dẫn hơn. Nhiều cơ hội kinh doanh hấp dẫn đã xuất hiện trong hơn hai thập kỷ trở lại đây. Ví dụ đối với việc đầu tư trên thị trường bất động sản, các quy định mới cho phép Việt kiều đang sống tại Việt Nam trong một thời gian nhất định được mua bất động sản đã thúc đẩy đáng kể kiều hối vào đầu tư.

Bên cạnh việc đạt được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động đầu tư từ nguồn kiều hối, thì việc thu hút kiều hối dành cho đầu tư vẫn còn một số hạn chế:

- Hệ thống quản lý kiều hối hiện hành chưa khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn kiều hối cho đầu tư,

tiết kiệm và tăng nguồn lực quốc gia. Việc sử dụng kiều hối của cá nhân và hộ gia đình có nguồn thu kiều hối còn buông lỏng, Nhà nước chưa có cơ chế, công cụ hợp lý để định hướng nên tỷ lệ kiều hối sử dụng cho mục đích đầu tư vào sản xuất kinh doanh còn rất thấp (bình quân chiếm 15 đến 30% tổng số kiều hối chuyển về), tỷ trọng kiều hối sử dụng cho tiêu dùng khá cao, bình quân trên 45%. Mặc dù vài năm gần đây đã có chuyển biến tích cực hơn, tuy nhiên thực tế cho thấy lượng kiều hối tuy lớn nhưng chưa thực sự phát huy được hiệu quả của nó, kiều hối đầu tư trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc thu hút vào ngân hàng còn khó khăn. Ngoại tệ trôi nổi ngoài hệ thống ngân hàng còn chiếm từ 20 đến 25% lượng kiều hối chuyển về. Do đó Nhà nước cần bổ sung công cụ và giải pháp để hướng dẫn sử dụng nguồn tiền này vào đầu tư sản xuất, tạo của cải vật chất cho xã hội và tạo lợi nhuận bền vững.

- Nhà nước chậm ban hành các quy định, các hướng dẫn thực hiện chính sách kiều hối, các quy định còn thiếu nhất quán, chưa đồng bộ hoặc chưa được chỉnh sửa, bổ sung kịp thời. Ví dụ như thu hút kiều hối còn đơn giản: chủ yếu thu hút bằng tiền, chưa đa dạng hoá công cụ huy động như trái phiếu, các quỹ đầu tư, quỹ tương hỗ, thu hút cả chất xám và đầu tư trực tiếp của kiều bào,... chưa có quy định, cơ chế kích thích cá nhân, hộ gia đình có nguồn thu kiều hối đầu tư hoặc bán lại ngoại tệ cho ngân hàng; chưa huy động được sức mạnh của các tổ chức nghề nghiệp, các hiệp hội xuất khẩu lao động, kiều bào, doanh nghiệp vừa và nhỏ... trong tham gia xây dựng chính sách kiều hối và giám sát quá trình thực hiện.

- Môi trường đầu tư của Việt Nam chưa tạo điều kiện thu hút dự án đầu tư từ kiều hối. Hiện vẫn thiếu một cơ chế chính sách cụ thể để ưu tiên ưu đãi riêng dành cho các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh từ nguồn tiền kiều hối. Vì vậy kiều bào gửi số tiền kiều hối bằng tiền mặt cho người thân ở Việt Nam chứ không đầu tư qua các dự án. Thực tế này làm hạn chế việc chuyển giao công nghệ từ các quốc gia tiên tiến về Việt Nam.

Tóm lại, có thể đánh giá tác động của kiều hối đến tổng đầu tư tại Việt Nam như sau:

Dù xét trên góc độ vĩ mô hay vi mô thì phần lớn tác động của kiều hối đến tổng đầu tư ở Việt Nam vẫn là tác động tích cực, tác động tiêu cực chỉ chiếm phần nhỏ. Tổng lượng kiều hối đạt 77,41 tỷ USD trong những năm qua (Đỗ Thị Thủy, 2015) là nguồn

tiếp viện rất lớn trong việc duy trì sức sống của nền kinh tế Việt Nam, được ví như nguồn viện trợ không hoàn lại. Thông qua đầu tư, kiều hối góp phần thúc đẩy sự phát triển các ngành nghề; giúp tạo thêm việc làm; cải thiện ngân sách cho nhà ở, y tế, giáo dục... Nguồn kiều hối chảy thẳng vào khu vực dân cư nên có tác động thúc đẩy đầu tư tư nhân cao, đóng vai trò “phao cứu sinh” cho các doanh nghiệp không thể vay vốn ngân hàng để đầu tư, mở rộng sản xuất do các quy định nghiêm ngặt về điều kiện vay vốn.

Tác động tiêu cực của kiều hối đến đầu tư thể hiện trong nhiều năm kiều hối vẫn còn mang tính đầu cơ. Kiều hối là nguồn tiền của dân nên việc quyết định đầu tư vào đâu là quyền của họ. Vì thế trong nhiều năm kiều hối không tập trung vào sản xuất kinh doanh mà chủ yếu đầu cơ vào chứng khoán, bất động sản, góp phần tạo ra cơn sốt thái quá trong hai lĩnh vực này, đồng thời gây áp lực lạm phát cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó kiều hối còn tạo ra tâm lý ỷ lại, trông chờ vào bên ngoài dẫn đến nền kinh tế thiếu tính chủ động. Có nhiều ý kiến cho rằng, đầu tư phát triển của một quốc gia phải dựa trên cơ sở lợi nhuận thu được từ đồng vốn của mình chứ không thể dựa vào tiền tài trợ. Do đó nền kinh tế cần tạo vốn đầu tư từ nội lực mà bớt dần phụ thuộc vào kiều hối. Hơn nữa nguồn kiều hối trong tương lai cũng càng ngày càng giảm dần. Lý do là một phần kiều hối được hình thành từ kiều bào hỗ trợ cho người thân mà sự hỗ trợ này có thể chỉ kéo dài thêm từ 10 cho đến 20 năm nữa, cho đến khi thế hệ có liên hệ trực tiếp với bà con, bạn bè ở Việt Nam không còn nữa. Thế hệ con cháu của kiều bào ở hải ngoại sẽ không gửi tiền về Việt Nam như cha mẹ họ đã và đang làm.

4. Giải pháp tận dụng tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực nhằm tăng cường thu hút kiều hối cho đầu tư tại Việt Nam

Thứ nhất: Nhà nước cần hoàn thiện chính sách khuyến khích kiều bào và lao động nước ngoài đầu tư về nước, đặc biệt đầu tư vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Muốn hướng kiều bào đầu tư vào sản xuất kinh doanh hay những hoạt động khác mang lại lợi ích cho đất nước thì nhà nước cần có những chính sách tích cực để tạo niềm tin cho họ và những người thụ hưởng nguồn tiền này, có chính sách ưu đãi đối với kiều hối như ưu đãi đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI. Nhà nước cần tạo khuôn khổ pháp lý nhằm bảo hộ và tạo điều kiện cho doanh nhân, trí thức kiều bào về nước làm việc, đầu tư

kinh doanh. Nhà nước cần tạo dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, giảm chi phí giao dịch doanh nghiệp... Bên cạnh đó, nhà nước cần nghiên cứu đánh giá cụ thể tình hình cộng đồng của từng nước, từng khu vực nhằm khuyến khích động viên kịp thời những nhân tố tích cực, phát huy thế mạnh của cộng đồng nhằm tranh thủ tối đa đóng góp của kiều bào cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Thứ hai: Tăng cường các kênh thông tin, làm cho kiều bào tiếp cận và hiểu các chính sách phát triển kinh tế xã hội của đất nước một cách nhanh chóng, chính xác và đúng đắn. Một trong những nguyên nhân chính khiến kiều bào ngại đầu tư về nước đó là sự không hiểu biết đầy đủ các chính sách luật lệ trong nước. Để khắc phục điều này, Nhà nước cần thực hiện các biện pháp như:

- Thành lập các câu lạc bộ trí thức kiều bào, các Hiệp hội doanh nhân kiều bào... tăng cường các buổi giao lưu, thuyết trình, diễn đàn bàn về các chính sách điều luật của Nhà nước, hơn nữa các câu lạc bộ này cũng giúp các nhà đầu tư kiều bào chia sẻ kinh nghiệm, tạo dựng mối quan hệ với đối tác khi đầu tư về nước nhà.

- Tăng cường thời lượng phát sóng các chương trình phổ biến chủ trương chính sách của nước nhà, tạo dựng cổng thông tin điện tử giao lưu trực tuyến giữa kiều bào và các cơ quan hữu quan.

Thứ ba: Nhà nước thông qua nhiều kênh khác nhau quảng bá những cơ hội đầu tư để kiều bào và lao động nước ngoài có thể tìm hiểu, lựa chọn và tiếp cận các cơ hội đầu tư. Đầu tư của các doanh nghiệp Việt kiều chắc chắn sẽ gia tăng nhiều hơn nữa nếu họ được thông tin rộng rãi hơn về diễn biến thị trường trong nước, về các dự án kêu gọi đầu tư của các bộ ngành cũng như của chính quyền các tỉnh thành. Sau đó Nhà nước tạo điều kiện giúp họ có thể thực hiện được những cơ hội đầu tư một cách thuận lợi nhất, như vậy vừa tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư, vừa có tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã

hội của đất nước.

Thứ tư: Nhà nước phát hành “trái phiếu kiều dân” (diaspora bond) - một loại nợ Nhà nước phát hành bằng nội tệ được bán cho người dân xa xứ để có vốn đầu tư vào các dự án cụ thể. Thông qua hình thức này, kêu gọi lòng yêu nước của người di cư ra nước ngoài có nguyện vọng đầu tư xây dựng đất nước.

Thứ năm: Hình thành thêm những tổ chức làm cầu nối thích hợp cho kiều bào về nước, giống như Trung tâm hỗ trợ Kiều bào của thành phố Hồ Chí Minh với chức năng hỗ trợ kiều bào và các thủ tục pháp lý cũng như trao đổi thông tin về những vấn đề trong nước. Để tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào đầu tư về quê hương nhiều hơn, một nhu cầu đang đặt ra là việc nghiên cứu và xây dựng một diễn đàn có tính chất thường niên về tư vấn chính sách cho Chính phủ đối với một số lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế - xã hội có sự tham gia của trí thức kiều bào, chủ trì sẽ là một thành viên của Chính phủ chịu trách nhiệm đối với phạm vi cần tư vấn.

5. Kết luận

Bài viết này phân tích những đóng góp và tác động của kiều hối đến tổng đầu tư tại Việt Nam thời gian qua. Nguồn kiều hối có một vị trí quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam bởi nguồn kiều hối không chỉ tạo cơ hội cho hoạt động đầu tư vào các ngành kinh doanh mới hoặc mở rộng các doanh nghiệp hiện tại, mà nguồn kiều hối còn cung cấp các cơ hội tài chính cho các doanh nghiệp tiềm năng nhưng khó có khả năng tiếp cận tới các nguồn tài chính chính thức; nguồn kiều hối đã giúp các gia đình nhận kiều hối đầu tư nhiều hơn vào nguồn nhân lực dưới dạng tăng chi tiêu cho giáo dục và sức khoẻ. Trong thời gian tới, để thu hút nguồn kiều hối cho hoạt động đầu tư, Chính phủ cần tạo điều kiện tốt hơn để có thể khuyến khích tiết kiệm trong cộng đồng những người thụ hưởng nguồn tiền này, bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển đất nước. □

Tài liệu tham khảo

Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết số 36-NQ/TW về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*, ban hành ngày 26 tháng 03 năm 2004.

Bộ Công an (2007), *Thông tư 06/2007/TT-BCA-C11 hướng dẫn thực hiện một số điều luật của Luật Cư trú*, ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2007.

Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an (2005), *Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT/BKH-BTP-BCA hướng dẫn người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú*

- ở Việt Nam khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế trong nước, ban hành ngày 25 tháng 5 năm 2005.
- Bộ Ngoại giao (2003), *Quyết định số 491/2003/QĐ-NG về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài*, ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2003.
- Bộ Tài chính (2007), *Quyết định 77/2007/QĐ-BTC về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý hồ sơ cấp Giấy miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài*, ban hành ngày 31 tháng 8 năm 2007.
- Chính phủ (2004), *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 110/2004/QĐ-TTg về Chương trình hành động của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*, ban hành ngày 26 tháng 3 năm 2004.
- Chính phủ (2007), *Quyết định số 135/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài*, ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2007.
- Chính phủ (2008), *Chỉ thị số 19/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về: Tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về Công tác người Việt Nam ở nước ngoài*, ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2008.
- Chính phủ (2009), *Thông tư liên tịch Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam*, ban hành ngày 22 tháng 9 năm 2009.
- Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch Đầu tư (2014), *Cơ sở dữ liệu về vốn FDI các ngành kinh tế Việt Nam*, Hà Nội.
- Đỗ Thị Thủy (2015), ‘Vai trò kiều hối trong đầu tư phát triển kinh tế Việt Nam’, *Kỷ yếu Hội thảo ‘Mối quan hệ giữa kiều hối và hoạt động đầu tư- một số vấn đề lý luận và thực tế’*, Đại học Kinh tế Quốc dân, tháng 12 năm 2015, 67.
- Nguyễn Quốc Hùng (2014), ‘Quản lý Nhà nước đối với kiều hối ở Việt Nam’, *Luận văn thạc sĩ, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh*, 62-77.
- Nguyễn Thị Ngọc Loan (2015), *Chính sách kiều hối của một số nước Châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội, 44-49.
- Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài (1994), *Thông tư số 453/TTUB hướng dẫn việc xác nhận để người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư về nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị định 29/CP ngày 27/5/1993 của Chính phủ*, ban hành ngày 14 tháng 9 năm 1994.

Thông tin tác giả:

*** Nguyễn Thị Thu Hà, Tiến sỹ**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Đầu tư, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, đầu tư trực tiếp nước ngoài...
- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: tạp chí *Kinh tế và Phát triển*, tạp chí *Xây dựng*, tạp chí *Vietnam Business Forum* ...
- Địa chỉ Email: nguyenthithuha68@gmail.com

**** Trần Minh Cường, Thạc sỹ**

- Tổ chức tác giả công tác: Hội Doanh nhân Đà Nẵng
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài...
- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: tạp chí *Kinh tế và Dự báo*- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Địa chỉ Email: tmc1504@gmail.com